Phụ lục
DANH SÁCH THI LẠI KỲ THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN ĐỢT 2 NĂM 2026

(Đính kèm Thông báo số 6713TB-HĐT ngày 05 tháng 08 năm 2026 của Hội đồng thi)

STT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Môn thi lại	Phòng thi
1	0001	**Bùi Thị Lan Anh**	04/10/1996	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
2	0002	**Đào Đức Anh**	17/08/1992	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
3	0003	**Hà Thị Tú Anh**	25/10/ 1986	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
4	0004	**Hoàng Tuấn Anh**	01/03/1994	Lào Cai	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
5	0005	**Hoàng Thị Ngọc Anh**	02/02/1993	Thái Nguyên	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
6	0006	**Lê Thị Lan Anh**	30/07/1995	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
7	0007	**Nguyễn Đức Anh**	16/09/1992	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
8	0008	**Nguyễn Việt Anh**	28/07/2001	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
9	0009	**Phạm Hồng Anh**	02/05/1989	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
10	0010	**Phạm Tuấn Anh**	02/8/1984	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
11	0011	**Trần Tiến Anh**	02/11/1999	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
12	0012	**Trần thị Lan Anh**	19/04/1980	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
13	0013	**Vũ Hoàng Anh**	24/09/1990	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
14	0014	**Nguyễn Trung Ba**	22/06/1995	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
15	0015	**Hoàng Văn Bảo**	12/10/2001	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
16	0016	**Phạm Văn Bảy**	12/03/1984	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
17	0017	**Thiều Thị Bích**	25/5/1992	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
18	0018	**Bùi Đình Biên**	24/04/1990	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
19	0019	**Nguyễn Gia Bình**	21/08/1995	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
20	0020	**Nguyễn Hải Bình**	3/7/1987	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
21	0021	**Phạm Thanh Bình**	29/03/1996	Lâm Đồng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
22	0022	**Lâm Văn Can**	06/09/1981	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
23	0023	**Nguyễn Thành Công**	22/04/1982	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
24	0024	**Bùi Thị Cúc**	10/09/1998	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
25	0025	**Nguyễn Thị Cúc**	06/06/1985	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
26	0026	**Nguyễn Quốc Cường**	08/10/1998	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
27	0027	**Nguyễn Sỹ Cường**	28/10/1986	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 203**

28	0028	**Phan Việt Cường**	02/02/1991	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
29	0029	**Quách Thế Cường**	12/03/1986	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
30	0030	**Quản Việt Cường**	18/07/1973	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
31	0031	**Tòng Huy Cường**	07/08/2000	Sơn La	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
32	0032	**Trần Đăng Cường**	30/01/2004	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
33	0033	**Trần Mạnh Cường**	07/08/1990	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
34	0034	**Đào Thị Ngọc Châm**	24/06/1984	Lào Cai	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
35	0035	**Quản Thị Châm**	21/04/1992	Hải phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
36	0036	**Lê Thị Lệ Chi**	02/10/1998	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 203**
37	0037	**Đào Mạnh Chiến**	05/12/1980	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
38	0038	**Đinh Văn Chiến**	20/01/1981	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
39	0039	**Đỗ Văn Chiến**	23/02/2006	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
40	0040	**Nguyễn Quang Chính**	06/12/1974	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
41	0041	**Nguyễn Văn Chính**	17/09/1989	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
42	0042	**Nguyễn Thành Chung**	12/11/1984	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
43	0043	**Nguyễn Minh Chương**	29/08/1985	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
44	0044	**Nguyễn Bách Diệp**	09/06/1996	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
45	0045	**Trần Văn Doanh**	25/11/1997	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
46	0046	**Đinh Quang Du**	20/09/1981	Sơn La	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
47	0047	**Hoàng Tiến Duân**	01/09/1981	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
48	0048	**Đỗ Thị Dung**	09/02/1991	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
49	0049	**Hoàng Thị Dung**	15/07/1980	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
50	0050	**Phạm Thị Dung**	16/10/1972	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
51	0051	**Trần Thị Vân Dung**	11/3/2006	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
52	0052	**Hoàng Văn Dũng**	10/07/1991	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
53	0053	**Lại Văn Dũng**	15/11/1990	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
54	0054	**Lê Văn Dũng**	18/11/1991	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
55	0055	**Nguyễn Đức Dũng**	17/08/1997	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
56	0056	**Phùng Văn Dũng**	30/05/2001	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
57	0057	**Trần Xuân Dũng**	20/05/1983	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
58	0058	**Văn Tiến Dũng**	27/06/1984	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**

59	0059	**Thàn Văn Duy**	21/06/2000	Lào Cai	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
60	0060	**Thàn Thị Duyên**	11/06/1998	Lào Cai	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
61	0061	**Lê Thị Thuỳ Dương**	28/02/1997	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
62	0062	**Vũ Xuân Dương**	08/10/2006	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
63	0063	**Đỗ Quang Đại**	25/09/1985	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
64	0064	**Lê Thanh Đán**	08/03/1996	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
65	0065	**Ngô Quang Đạo**	07/05/1986	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
66	0066	**Vũ Văn Đạo**	06/05/1989	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
67	0067	**Phan Thị Đạt**	08/02/1994	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
68	0068	**Bùi Hồng Điệp**	28/01/1977	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
69	0069	**Hoàng Thị Lệ Điệp**	12/11/1974	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
70	0070	**Tạ Chí Đoàn**	21/08/1988	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
71	0071	**Nguyễn Văn Đồng**	22/11/2004	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
72	0072	**Đinh Huy Đức**	30/07/1998	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
73	0073	**Trần Quang Đức**	03/10/1987	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
74	0074	**Vương Thế Đức**	01/03/1985	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
75	0075	**Nguyễn Hương Giang**	15/01/2000	Liên Bang Nga	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
76	0076	**Bùi Thị Thu Hà**	29/08/1991	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
77	0077	**Đặng Thái Hà**	24/01/1979	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
78	0078	**Lê Diễm Hà**	26/07/1975	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
79	0079	**Nguy Thị Thúy Hà**	08/11/1981	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 204**
80	0080	**Phạm Thị Thu Hà**	22/08/1994	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
81	0081	**Tạ Thúy Hà**	23/10/1985	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
82	0082	**Đàm Ngọc Hải**	11/02/1998	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
83	0083	**Nguyễn Tài Hải**	27/11/1991	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
84	0084	**Phạm Bá Hải**	15/01/1995	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
85	0085	**Phạm Thanh Hải**	28/06/1970	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
86	0086	**Hồ Thị Hạnh**	13/04/1996	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
87	0087	**Lê Thị Hạnh**	15/01/1986	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
88	0088	**Lê Thị Hạnh**	11/08/1990	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
89	0089	**Lưu Thị Thu Hảo**	08/09/1980	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 301**

90	0090	**Dương Thị Hằng**	27/09/1993	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
91	0091	**Hoàng Thị Hằng**	02/04/1981	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
92	0092	**Hoàng Thu Hằng**	12/04/1984	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
93	0093	**Lê Thị Thu Hằng**	07/07/1979	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
94	0094	**Nguyễn Thị Hằng**	20/08/1983	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
95	0095	**Nguyễn Thị Thu Hằng**	10/08/1987	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
96	0096	**Trịnh Thị Hằng**	17/11/1973	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
97	0097	**Ngô Thị Hân**	07/09/1984	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
98	0098	**Đặng Xuân Hậu**	03/02/1979	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
99	0099	**Hoàng Thị Hiền**	30/05/1989	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
100	0100	**Nguyễn Thị Hiền**	15/07/1983	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
101	0101	**Nguyễn Thu Hiền**	18/11/1983	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
102	0102	**Trần Thị Thu Hiền**	01/06/1987	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
103	0103	**Đỗ Hoàng Hiệp**	21/12/1984	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
104	0104	**Nguyễn Công Hiếu**	29/12/1982	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
105	0105	**Nguyễn Xuân Hiệu**	12/11/1986	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
106	0106	**Phạm Văn Hiệu**	15/12/1985	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
107	0107	**Hoàng Anh Hoa**	23/04/1982	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
108	0108	**Nguyễn Quỳnh Hoa**	28/10/2000	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
109	0109	**Vũ Thị Hoa**	04/02/1988	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
110	0110	**Hoàng Thị Hòa**	26/03/1974	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
111	0111	**Vũ Trọng Hoài**	15/09/1983	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
112	0112	**Bùi Thế Hoan**	27/03/1982	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
113	0113	**Nguyễn Văn Hoan**	21/12/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
114	0114	**Nguyễn Viết Hoan**	21/11/1988	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
115	0115	**Trần Thị Hoan**	20/11/1995	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
116	0116	**Phùng Văn Hoàn**	21/06/1994	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
117	0117	**Bùi Thị Hoàng**	15/05/1990	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
118	0118	**Nguyễn Huy Hoàng**	20/02/1978	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
119	0119	**Phan Đức Hoàng**	01/10/1992	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
120	0120	**Nguyễn Thị Hồng**	05/11/1995	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 301**

121	0121	**Nguyễn Thị Hồng**	05/09/1990	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
122	0122	**Ngô Văn Huấn**	15/04/1984	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 301**
123	0123	**Nguyễn Thị Huệ**	02/02/1984	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
124	0124	**Ninh Viết Hùng**	10/10/1987	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
125	0125	**Nguyễn Tiến Hùng**	25/01/1967	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
126	0126	**Nguyễn Thanh Hùng**	21/07/1985	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
127	0127	**Nguyễn Xuân Hùng**	20/10/1993	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
128	0128	**Lê Quang Huy**	25/04/1995	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
129	0129	**Đinh Thị Thanh Huyền**	02/06/1987	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
130	0130	**Nguyễn Thị Huyền**	28/09/1989	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
131	0131	**Nguyễn Thị Huyền**	07/10/1991	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
132	0132	**Phạm Thị Huyền**	05/10/1992	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
133	0133	**Trần Phương Huyền**	19/10/1981	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
134	0134	**Hồ Viết Hưng**	26/10/1977	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
135	0135	**Phan Văn Hưng**	24/07/1991	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
136	0136	**Hồ Thị Hương**	02/11/1992	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
137	0137	**Lã Mai Hương**	05/11/1995	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
138	0138	**Lê Thị Hương**	05/01/1989	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
139	0139	**Nguyễn Thị Hương**	11/07/1987	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
140	0140	**Vũ Thị Thu Hương**	11/01/1988	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
141	0141	**Vũ Văn Hướng**	25/07/1991	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
142	0142	**Nguyễn Đình Kiên**	14/02/1993	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
143	0143	**Nguyễn Ngọc Khánh**	19/05/1981	Tuyên Quang	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
144	0144	**Trần Đăng Khoa**	25/12/1990	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
145	0145	**Phạm Huy Khoá**	19/10/1994	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
146	0146	**Nguyễn Thị Lan**	15/09/1986	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
147	0147	**Phan Thị Hương Lan**	06/03/1984	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
148	0148	**Nguyễn Bình Lâm**	07/11/1994	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
149	0149	**Phạm Viết Lâm**	02/09/1981	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
150	0150	**Hoàng Văn Lập**	21/09/1984	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
151	0151	**Trịnh Thị Liên**	25/02/1995	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**

152	0152	**Hoàng Mạnh Linh**	07/11/1999	Lạng Sơn	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
153	0153	**Trần Hoàng Linh**	24/09/1990	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
154	0154	**Trần Quang Linh**	20/04/1999	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
155	0155	**Trương Văn Linh**	15/08/1989	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
156	0156	**Vũ Hữu Linh**	16/07/1998	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
157	0157	**Nguyễn Thị Loan**	09/01/1985	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
158	0158	**Nguyễn Thị Loan**	27/05/1986	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
159	0159	**Phương Văn Long**	24/11/1997	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
160	0160	**Vũ Xuân Lộc**	25/10/1993	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
161	0161	**Đặng Thị Lợi**	30/11/1980	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
162	0162	**Lê Đức Lợi**	13/04/2005	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
163	0163	**Nguyễn Khắc Lợi**	05/01/1991	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
164	0164	**Từ Mạnh Lợi**	24/08/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 302**
165	0165	**Đặng Thị Lụa**	08/02/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
166	0166	**Phạm Kinh Luân**	12/03/1978	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
167	0167	**Nguyễn Thị Luyên**	11/09/1992	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
168	0168	**Dư Minh Lương**	15/02/2004	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
169	0169	**Lê Thị Lương**	15/11/1990	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
170	0170	**Nguyễn Phương Khánh Ly**	29/10/2007	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
171	0171	**Nguyễn Thúy Ly**	04/05/1974	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
172	0172	**Phạm Thị Lý**	07/11/1993	Hải phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
173	0173	**Lưu Thị Thanh Mai**	23/08/1982	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
174	0174	**Lê Đức Mạnh**	15/02/1988	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
175	0175	**Đinh Thị Niệm**	26/02/1979	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
176	0176	**Phạm Thị Ngân**	11/7/2002	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
177	0177	**Đào Thị Ngoan**	14/11/1992	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
178	0178	**Lê Thị Ngoan**	15/08/1993	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
179	0179	**Trần Thị Thảo Nguyên**	31/08/2000	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
180	0180	**Nguyễn Thị Nguyệt**	02/09/1983	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
181	0181	**Phạm Thị Nguyệt**	03/08/1997	Vĩnh Phúc	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
182	0182	**Trần Thị Minh Nguyệt**	17/09/1990	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 303**

183	0183	**Nguyễn Thị Nhàn**	27/01/1991	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
184	0184	**Nguyễn Thị Nhung**	15/08/1984	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
185	0185	**Nguyễn Thị Cẩm Nhung**	16/02/2005	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
186	0186	**Phạm Thị Hồng Nhung**	05/11/1993	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
187	0187	**Trương Thị Nhung**	26/08/1982	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
188	0188	**Vũ Thi Nhung**	16/11/1995	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
189	0189	**Trần Thị Nhường**	15/11/2001	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
190	0190	**Dương Thị Oanh**	18/05/1995	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
191	0191	**Lê Thị Tú Oanh**	01/03/1983	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
192	0192	**Nguyễn Thị Oanh**	16/09/1980	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
193	0193	**Phạm Thị Oanh**	03/7/1993	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
194	0194	**Nguyễn Văn Pháp**	30/10/1991	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
195	0195	**Phạm Ngọc Phi**	25/07/1990	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
196	0196	**Vũ Đình Phi**	13/04/1994	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
197	0197	**Đinh Thị Phong**	14/09/1985	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
198	0198	**Trần Thành Phong**	22/12/1995	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
199	0199	**Đặng Đức Phòng**	13/03/1980	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
200	0200	**Vũ Phú Phố**	10/09/1990	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 303**
201	0201	**Ngô Thị Phúc**	05/09/1982	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
202	0202	**Nguyễn Công Phúc**	27/04/2003	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
203	0203	**Trần Văn Phúc**	03/10/1999	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
204	0204	**Bùi Thị Phương**	21/07/1989	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
205	0205	**Đặng Thị Phương**	05/11/1988	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
206	0206	**Ngô Thị Phương**	20/06/2003	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
207	0207	**Nguyễn Mạnh Quang**	09/07/1983	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
208	0208	**Đào Hải Quân**	13/10/1991	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
209	0209	**Lương Hồng Quân**	15/07/1985	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
210	0210	**Lê Thị Quyên**	20/06/1984	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
211	0211	**Nguyễn Lệ Quyên**	06/04/1985	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
212	0212	**Nguyễn Văn Quyền**	02/01/2000	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
213	0213	**Lê Thị Quỳnh**	07/08/1993	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**

214	0214	**Nguyễn Thị Quỳnh**	22/12/1983	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
215	0215	**Nguyễn Văn Soái**	02/07/1988	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
216	0216	**Ngô Văn Sớm**	13/11/1991	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
217	0217	**Đào Trường Sơn**	05/02/1992	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
218	0218	**Ngô Văn Sơn**	12/12/1991	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
219	0219	**Nguyễn Chung Sơn**	17/12/1993	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
220	0220	**Nguyễn Hồng Sơn**	19/05/1997	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
221	0221	**Nguyễn Văn Sơn**	14/06/1998	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
222	0222	**Trần Văn Sơn**	08/10/1977	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
223	0223	**Vũ Công Sơn**	10/08/1989	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
224	0224	**Vũ Ngọc Sơn**	16/09/1966	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
225	0225	**Trần Văn Sự**	03/11/1983	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
226	0226	**Cồ Huy Sỹ**	15/05/1986	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
227	0227	**Trần Tiến Tài**	10/08/2000	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
228	0228	**Nguyễn Thị Tâm**	26/08/1993	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
229	0229	**Nguyễn Xuân Tâm**	15/07/1990	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
230	0230	**Trần Ngọc Tình**	20/07/1991	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
231	0231	**Lê Đức Toàn**	11/01/1994	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
232	0232	**Nguyễn Văn Toàn**	16/02/1986	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
233	0233	**Đào Cẩm Tú**	02/12/1996	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
234	0234	**Phan Thị Cẩm Tú**	10/7/2003	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
235	0235	**Trần Ngọc Tú**	22/02/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
236	0236	**Lưu Vĩnh Tuấn**	16/11/1982	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
237	0237	**Nguyễn Khắc Tuấn**	14/12/1986	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
238	0238	**Nguyễn Tiến Tuấn**	08/06/1993	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
239	0239	**Nguyễn Văn Tuấn**	22/06/1989	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
240	0240	**Trần Đình Tuấn**	03/01/1992	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
241	0241	**Trần Quốc Tuấn**	15/02/1980	Hải Phòng	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
242	0242	**Võ Minh Tuấn**	12/01/1986	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 401**
243	0243	**Vương Như Tuấn**	22/12/1982	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
244	0244	**Bùi Quang Tuệ**	08/04/1971	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**

245	0245	**Hoàng Văn Tùng**	22/06/1987	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
246	0246	**Nguyễn Hoàng Tùng**	06/05/1982	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
247	0247	**Phan Thị Ánh Tuyết**	07/08/1977	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
248	0248	**Bùi Văn Thà**	01/03/1987	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
249	0249	**Đặng Thị Hồng Thái**	20/12/1973	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
250	0250	**Hoàng Thị Thanh**	09/03/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
251	0251	**Lê Quốc Thành**	04/12/1986	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
252	0252	**Vũ Tất Thành**	15/03/2002	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
253	0253	**Nguyễn Thị Thảo**	13/10/1990	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
254	0254	**Nguyễn Xuân Thảo**	15/03/1972	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
255	0255	**Trần Thị Phương Thảo**	29/10/2003	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
256	0256	**Lê Văn Thăng**	11/01/1977	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
257	0257	**Lê Nam Thắng**	28/07/1968	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
258	0258	**Nguyễn Đức Thắng**	01/10/1991	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
259	0259	**Nguyễn Ngọc Thắng**	27/03/1985	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
260	0260	**Lê Văn Thị**	02/12/1984	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
261	0261	**Nguyễn Thọ Thiên**	17/05/1989	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
262	0262	**Nguyễn Thị Thuỷ**	06/11/1978	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
263	0263	**Lưu Thị Thuý**	03/06/1988	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
264	0264	**Nguyễn Thị Thùy**	02/10/1990	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
265	0265	**Đào Thị Thương**	16/08/1992	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
266	0266	**Bùi Thị Trang**	28/09/2001	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
267	0267	**Lã Thị Huyền Trang**	11/09/1990	Ninh Bình	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
268	0268	**Lê Thị Trang**	05/08/1989	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
269	0269	**Mai Thị Thùy Trang**	20/07/1993	Thanh Hoá	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
270	0270	**Nguyễn Thị Như Trang**	29/09/1984	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
271	0271	**Trần Thị Thu Trang**	20/11/1988	Thái Nguyên	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
272	0272	**Phùng Văn Trượng**	23/09/1984	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
273	0273	**Trần Thị Viên**	14/07/1984	Hà Nội	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
274	0274	**Trần Thị Viễn**	21/10/1983	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
275	0275	**Nguyễn Đức Việt**	20/11/1992	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 402**

276	0276	**Lưu Thế Vũ**	28/07/1989	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
277	0277	**Bùi Đại Vương**	12/08/1979	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
278	0278	**Hoàng Liên Ta Xa**	06/05/1988	Phú Thọ	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
279	0279	**Hà Thị Xoan**	23/08/1988	Bắc Ninh	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
280	0280	**Trần Việt Xô**	31/07/1989	Hưng Yên	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
281	0281	**Nguyễn Thanh Xuân**	22/02/1985	Tuyên Quang	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
282	0282	**Nguyễn Thị Yên**	01/01/1990	Nghệ An	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
283	0283	**Lê Mai Hảo Yến**	23/08/1978	Thanh Hóa	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
284	0284	**Nguyễn Hải Yến**	22/07/1981	Hà Tĩnh	Kiến thức cơ sở	**B3 402**
285	0285	**Lê Thanh Bình**	16/03/1974	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
286	0286	**Trần Văn Chung**	01/06/1990	Nghệ An	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
287	0287	**Nguyễn Đình Đãng**	18/10/1989	Hưng Yên	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
288	0288	**Đào Văn Đạt**	10/10/1993	Ninh Bình	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
289	0289	**Nguyễn Văn Giang**	27/07/1977	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
290	0290	**Nguyễn Hữu Hải**	31/10/1969	Hưng Yên	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
291	0291	**Nguyễn Thanh Hải**	20/10/2002	Ninh Bình	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
292	0292	**Trương Thị Hạnh**	08/09/1987	Ninh Bình	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
293	0293	**Hồ Thị Thuý Hằng**	23/06/1978	Hà Nội	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
294	0294	**Kiều Thị Thu Hằng**	28/09/1982	Hà Tĩnh	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
295	0295	**Nguyễn Hoàng Hiểu**	16/01/1984	Nghệ An	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
296	0296	**Phan Thị Hòa**	03/04/1996	Nghệ An	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
297	0297	**Hoàng Thị Hương**	16/05/1990	Thanh Hoá	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
298	0298	**Trương Thị Hường**	17/07/1991	Thanh Hoá	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
299	0299	**Ngô Doãn Long**	28/07/2981	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
300	0300	**Nguyễn Tiến Lực**	02/10/1994	Thanh Hoá	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
301	0301	**Lê Hoàng Nam**	03/01/1984	Hà Nội	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
302	0302	**Lê Thu Nga**	30/11/1990	Hà Nội	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
303	0303	**Trịnh Huy Ngọc**	27/07/1990	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
304	0304	**Cao Thị Nhung**	16/08/1988	Nghệ An	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
305	0305	**Ngô Thị Nhung**	07/06/1985	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
306	0306	**Nguyễn Thị Nhung**	26/03/1986	Thanh Hoá	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**

307	0307	**Giang Minh Quân**	01/03/1994	Hưng Yên	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
308	0308	**Hoàng Viết Quyền**	15/03/1993	Thanh Hóa	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
309	0309	**Nguyễn Hoàng Mạnh Tùng**	09/11/1984	Hưng Yên	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
310	0310	**Lê Văn Thái**	06/10/1990	Phú Thọ	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
311	0311	**Bùi Văn Thanh**	18/02/1986	Phú Thọ	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
312	0312	**Nguyễn Thị Hà Trang**	15/06/2001	Nghệ An	Kiến thức chuyên môn	**B3 202**
313	0313	**Đỗ Thuỳ An**	02/11/2007	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
314	0314	**Nguyễn Thị Thục Anh**	10/04/2026	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
315	0315	**Bùi Thanh Bình**	25/12/1978	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
316	0316	**Đàm Văn Cảnh**	23/01/1982	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
317	0317	**Nguyễn Quang Cường**	26/09/1992	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
318	0318	**Nguyễn Xuân Cường**	20/12/1984	Phú Thọ	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
319	0319	**Phan Đình Chúng**	08/09/1992	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
320	0320	**Thào A Dê**	21/11/2005	Sơn La	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
321	0321	**Trương Nhật Dung**	16/02/2003	Đắk Lắk	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
322	0322	**Ngô Trí Dũng**	21/03/1983	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
323	0323	**Vũ Tiến Dũng**	15/02/1982	Phú Thọ	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
324	0324	**Lê Thị Duyến**	15/09/1987	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
325	0325	**Lê Xuân Dưỡng**	12/09/1969	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
326	0326	**Nguyễn Văn Hà**	18/06/1984	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
327	0327	**Trần Thị Thu Hà**	26/10/1989	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
328	0328	**Lương Thị Hằng**	22/07/1990	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
329	0329	**Nguyễn Thị Hằng**	21/11/1969	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 202**
330	0330	**Đậu Thị Hòa**	18/12/1978	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
331	0331	**Lê Thu Hoàn**	27/11/1975	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
332	0332	**Nguyễn Văn Hùng**	07/03/1982	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
333	0333	**Nguyễn Thị Bích Huyền**	10/10/1983	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
334	0334	**Nguyễn Văn Huỳnh**	09/06/2000	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
335	0335	**Ngô Sỹ Hưng**	02/10/1986	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
336	0336	**Nguyễn Ngọc Hưng**	17/01/1987	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
337	0337	**Trần Văn Kha**	20/11/1983	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
338	0338	**Nguyễn Đăng Khuyến**	28/5/1990	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**

339	0339	**Trần Văn Linh**	10/11/1995	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
340	0340	**Nguyễn Tuấn Long**	14/12/2006	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
341	0341	**Trương Khánh Ngọc**	02/10/1987	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
342	0342	**Lò Thị Nguyệt**	01/09/1993	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
343	0343	**Phạm Thị Oanh**	23/10/1976	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
344	0344	**Vũ Văn Phúc**	26/7/1975	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
345	0345	**Nguyễn Thị Sâm**	06/05/1973	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
346	0346	**Lê Thị Thúy Sen**	10/10/1982	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
347	0347	**Trần Bá Tâm**	05/05/1978	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
348	0348	**Nguyễn Văn Tuấn**	27/03/1984	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
349	0349	**Nguyễn Thị Thanh**	08/09/1984	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
350	0350	**Trần Thị Thương**	03/10/1986	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
351	0351	**Hồ Mạnh Trung**	26/10/1985	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
352	0352	**Hoàng Nghĩa Trung**	03/01/1988	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
353	0353	**Nguyễn Thị Hải Yến**	19/09/1978	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
354	0354	**Cao Tuấn Anh**	16/06/1993	Phú Thọ	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
355	0355	**Lê Tất Đức Anh**	06/06/2003	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
356	0356	**Lê Thị Phương Anh**	13/11/1990	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
357	0357	**Nguyễn Thị Ngọc Anh**	30/11/1991	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
358	0358	**Nguyễn Thị Phương Anh**	10/12/2006	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
359	0359	**Nguyễn Thị Vân Anh**	07/05/1984	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
360	0360	**Nguyễn Tiến Ân**	14/08/1999	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
361	0361	**Nguyễn Huy Bé**	19/02/1994	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
362	0362	**Lê Văn Bốn**	04/03/1986	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
363	0363	**Vũ Đình Côn**	30/06/1999	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
364	0364	**Nguyễn Đình Cương**	13/04/2005	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
365	0365	**Hoàng Minh Chung**	12/06/1999	Quảng Trị	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
366	0366	**Nghiêm Xuân Dũng**	12/12/1980	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
367	0367	**Đỗ Thị Thùy Dương**	24/11/1992	Lạng Sơn	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
368	0368	**Nguyễn Đình Dương**	25/06/1991	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
369	0369	**Nguyễn Thế Dương**	17/01/1992	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
370	0370	**Đoàn Tuấn Đại**	17/10/1976	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
371	0371	**Đỗ Đình Đại**	03/03/1990	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**

372	0372	**Nguyễn Văn Đô**	06/10/1976	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
373	0373	**Đoàn Hoàng Đông**	05/07/1994	Sơn La	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
374	0374	**Hồ Anh Giáp**	26/12/1984	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
375	0375	**Nguyễn Thị Hà**	09/10/1973	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
376	0376	**Tạ Thị Thu Hà**	08/11/1979	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
377	0377	**Nguyễn Thị Hải**	15/12/1990	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 201**
378	0378	**Tống Thị Hằng**	20/11/1995	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
379	0379	**Trần Thu Hiền**	13/05/1988	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
380	0380	**Đoàn Khắc Hiếu**	16/07/1988	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
381	0381	**Đào Huy Hiệu**	05/11/1985	Thái Nguyên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
382	0382	**Thân Văn Hoàng**	10/04/1994	Bắc Ninh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
383	0383	**Phạm Thị Hồng**	04/02/1987	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
384	0384	**Nguyễn Thị Kim Huệ**	27/01/1983	Phú Thọ	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
385	0385	**Nguyễn Mạnh Hùng**	31/10/1997	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
386	0386	**Nguyễn Xuân Hùng**	16/02/1992	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
387	0387	**Hoàng Trọng Huy**	27/10/1987	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
388	0388	**Nguyễn Tiến Thành Huy**	07/01/1996	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
389	0389	**Nguyễn Quỳnh Hương**	26/11/2000	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
390	0390	**Lê Thị Lan**	17/08/1989	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
391	0391	**Nguyễn Thành Lâm**	16/12/1989	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
392	0392	**Trịnh Đông Lân**	04/05/1977	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
393	0393	**Nguyễn Quỳnh Lê**	12/03/1988	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
394	0394	**Phạm Ngọc Lê**	18/09/1991	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
395	0395	**Đặng Thị Liễu**	01/03/1989	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
396	0396	**Nguyễn Khánh Linh**	12/01/2000	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
397	0397	**Lê Văn Luân**	11/02/1988	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
398	0398	**Nguyễn Xuân Mạnh**	09/04/1982	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
399	0399	**Lê Thị Nương**	14/12/1993	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
400	0400	**Trần Thị Ngát**	27/08/1970	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
401	0401	**Trương Thị Ngân**	15/07/1987	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
402	0402	**Nguyễn Duy Ngọc**	28/09/1996	Tuyên Quang	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
403	0403	**Trần Văn Nhã**	21/04/1977	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
404	0404	**Phạm Thị Nhàn**	06/06/1988	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
405	0405	**Đặng Thị Vy Nhi**	10/09/1982	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
406	0406	**Lê Thị Phi Nhiếp**	18/04/1978	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**

407	0407	**Nguyễn Văn Phi**	10/09/1992	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
408	0408	**Hoàng Quang Phú**	14/04/1993	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
409	0409	**Lê Việt Phương**	18/08/1990	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
410	0410	**Vũ Mai Phương**	28/03/1977	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
411	0411	**Bùi Viết Quảng**	01/11/1989	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
412	0412	**Nguyễn Minh Quân**	10/10/2003	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
413	0413	**Hoàng Thị Sáu**	06/04/1988	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 103**
414	0414	**Mai Việt Sơn**	04/03/1992	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
415	0415	**Bùi Huy Tài**	25/04/1991	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
416	0416	**Nguyễn Chí Tài**	28/11/1993	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
417	0417	**Bùi Thị Tâm**	19/12/1996	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
418	0418	**Dương Đình Tiến**	30/05/1990	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
419	0419	**Phan Anh Tiến**	17/11/2001	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
420	0420	**Đào Thị Tình**	19/09/1997	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
421	0421	**Nguyễn Thị Toan**	25/01/1991	Bắc Ninh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
422	0422	**Trần Anh Tú**	15/05/1988	Quảng Trị	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
423	0423	**Lê Anh Tuấn**	19/08/1976	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
424	0424	**Lê Thanh Tuấn**	26/12/2003	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
425	0425	**Nguyễn Anh Tuấn**	31/07/1980	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
426	0426	**Nguyễn Anh Tuấn**	13/05/1972	Hà Tĩnh	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
427	0427	**Lê Văn Tuyên**	14/04/1988	Phú Thọ	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
428	0428	**Trần Thị Tuyết**	06/06/1992	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
429	0429	**Ngô Thị Tươi**	09/02/1978	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
430	0430	**Trần Văn Tưởng**	16/02/1986	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
431	0431	**Trịnh Thị Thảo**	26/05/1996	Hưng Yên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
432	0432	**Mai Huy Thiều**	23/10/1978	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
433	0433	**Trần Đức Thiệu**	20/02/1981	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
434	0434	**Đoàn Thị Thu Thúy**	11/05/1994	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
435	0435	**Lê Anh Thư**	06/01/2004	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
436	0436	**Nguyễn Thị Anh Thư**	20/11/2004	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
437	0437	**Đỗ Hà Trang**	13/07/1997	Lào Cai	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
438	0438	**Nguyễn Thu Trang**	05/08/1993	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
439	0439	**Phạm Thị Trang**	28/04/1992	Ninh Bình	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
440	0440	**Vũ Quỳnh Trang**	03/01/1997	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
441	0441	**Nguyễn Đức Trung**	22/12/1990	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
442	0442	**Nguyễn Khắc Bảo Trung**	02/04/1990	Thái Nguyên	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**

443	**0443**	**Đặng Khắc Trường**	19/02/1998	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
444	**0444**	**Nguyễn Thị Trường**	07/06/1989	Thanh Hoá	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
445	**0445**	**Phạm Thị Dịu Uyên**	06/01/1995	Thừa Thiên Huế	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
446	**0446**	**Trần Đức Việt**	12/02/1995	Hà Nội	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
447	**0447**	**Nguyễn Sỹ Vĩnh**	03/05/1976	Thanh Hóa	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
448	**0448**	**Hoàng Thị Xuân**	05/03/1991	Nghệ An	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**
449	**0449**	**Phạm Thị Xuyên**	11/03/1980	Hải Phòng	Cả 2 môn (Kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên môn)	**B3 102**

BỐ TRÍ PHÒNG THI
KỲ THI LẠI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN ĐỢT 2 NĂM 2026

Ngày thi: Chiều 07/8/2026

Stt	Địa điểm	Số lượng thí sinh	Ghi chú	Tên tòa	Tầng	Từ SBD đến SBD
	Phòng tự học		**Phòng gửi đồ**			
	B3 104		**HỘI ĐỒNG THI NHÀ B3**	B3	1	
1	B3 102	36	Thi 2 môn	B3	1	**0414 - 0449**
2	B3 103	36	Thi 2 môn	B3	1	**0378 - 0413**
3	B3 201	48	Thi 2 môn	B3	2	**0330 - 0377**
4	B3 202	17/28	Thi 2 môn/Chuyên môn	B3	2	**0285 - 0329**
5	B3 203	36	Cơ sở	B3	2	**0001 -0036**
6	B3 204	43	Cơ sở	B3	2	**0037 - 0079**
7	B3 301	43	Cơ sở	B3	3	**0080 - 0122**
8	B3 302	42	Cơ sở	B3	3	**0123 - 0164**
9	B3 303	36	Cơ sở	B3	3	**0165 - 0200**
10	B3 401	42	Cơ sở	B3	4	**0201 - 0242**
11	B3 402	42	Cơ sở	B3	4	**0243 - 0284**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.203**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0001	Bùi Thị Lan Anh	04/10/1996			
2	0002	Đào Đức Anh	17/08/1992			
3	0003	Hà Thị Tú Anh	25/10/ 1986			
4	0004	Hoàng Tuấn Anh	01/03/1994			
5	0005	Hoàng Thị Ngọc Anh	02/02/1993			
6	0006	Lê Thị Lan Anh	30/07/1995			
7	0007	Nguyễn Đức Anh	16/09/1992			
8	0008	Nguyễn Việt Anh	28/07/2001			
9	0009	Phạm Hồng Anh	02/05/1989			
10	0010	Phạm Tuấn Anh	02/8/1984			
11	0011	Trần Tiến Anh	02/11/1999			
12	0012	Trần thị Lan Anh	19/04/1980			
13	0013	Vũ Hoàng Anh	24/09/1990			
14	0014	Nguyễn Trung Ba	22/06/1995			
15	0015	Hoàng Văn Bảo	12/10/2001			
16	0016	Phạm Văn Bảy	12/03/1984			
17	0017	Thiều Thị Bích	25/5/1992			
18	0018	Bùi Đình Biên	24/04/1990			
19	0019	Nguyễn Gia Bình	21/08/1995			
20	0020	Nguyễn Hải Bình	3/7/1987			
21	0021	Phạm Thanh Bình	29/03/1996			

22	**0022**	Lâm Văn Can	06/09/1981			
23	**0023**	Nguyễn Thành Công	22/04/1982			
24	**0024**	Bùi Thị Cúc	10/09/1998			
25	**0025**	Nguyễn Thị Cúc	06/06/1985			
26	**0026**	Nguyễn Quốc Cường	08/10/1998			
27	**0027**	Nguyễn Sỹ Cường	28/10/1986			
28	**0028**	Phan Việt Cường	02/02/1991			
29	**0029**	Quách Thế Cường	12/03/1986			
30	**0030**	Quản Việt Cường	18/07/1973			
31	**0031**	Tòng Huy Cường	07/08/2000			
32	**0032**	Trần Đăng Cường	30/01/2004			
33	**0033**	Trần Mạnh Cường	07/08/1990			
34	**0034**	Đào Thị Ngọc Châm	24/06/1984			
35	**0035**	Quản Thị Châm	21/04/1992			
36	**0036**	Lê Thị Lệ Chi	02/10/1998			
		Tổng: 36 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.204**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0037	Đào Mạnh Chiến	05/12/1980			
2	0038	Đinh Văn Chiến	20/01/1981			
3	0039	Đỗ Văn Chiến	23/02/2006			
4	0040	Nguyễn Quang Chính	06/12/1974			
5	0041	Nguyễn Văn Chính	17/09/1989			
6	0042	Nguyễn Thành Chung	12/11/1984			
7	0043	Nguyễn Minh Chương	29/08/1985			
8	0044	Nguyễn Bách Diệp	09/06/1996			
9	0045	Trần Văn Doanh	25/11/1997			
10	0046	Đinh Quang Du	20/09/1981			
11	0047	Hoàng Tiến Duân	01/09/1981			
12	0048	Đỗ Thị Dung	09/02/1991			
13	0049	Hoàng Thị Dung	15/07/1980			
14	0050	Phạm Thị Dung	16/10/1972			
15	0051	Trần Thị Vân Dung	11/03/2006			
16	0052	Hoàng Văn Dũng	10/07/1991			
17	0053	Lại Văn Dũng	15/11/1990			
18	0054	Lê Văn Dũng	18/11/1991			
19	0055	Nguyễn Đức Dũng	17/08/1997			
20	0056	Phùng Văn Dũng	30/05/2001			
21	0057	Trần Xuân Dũng	20/05/1983			

22	**0058**	Văn Tiến Dũng	27/06/1984			
23	**0059**	Thàn Văn Duy	21/06/2000			
24	**0060**	Thàn Thị Duyên	11/06/1998			
25	**0061**	Lê Thị Thuỳ Dương	28/02/1997			
26	**0062**	Vũ Xuân Dương	08/10/2006			
27	**0063**	Đỗ Quang Đại	25/09/1985			
28	**0064**	Lê Thanh Đán	08/03/1996			
29	**0065**	Ngô Quang Đạo	07/05/1986			
30	**0066**	Vũ Văn Đạo	06/05/1989			
31	**0067**	Phan Thị Đạt	08/02/1994			
32	**0068**	Bùi Hồng Điệp	28/01/1977			
33	**0069**	Hoàng Thị Lệ Điệp	12/11/1974			
34	**0070**	Tạ Chí Đoàn	21/08/1988			
35	**0071**	Nguyễn Văn Đồng	22/11/2004			
36	**0072**	Đinh Huy Đức	30/07/1998			
37	**0073**	Trần Quang Đức	03/10/1987			
38	**0074**	Vương Thế Đức	01/03/1985			
39	**0075**	Nguyễn Hương Giang	15/01/2000			
40	**0076**	Bùi Thị Thu Hà	29/08/1991			
41	**0077**	Đặng Thái Hà	24/01/1979			
42	**0078**	Lê Diễm Hà	26/07/1975			
43	**0079**	Nguy Thị Thúy Hà	08/11/1981			
		Tổng: 43 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.301**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0080	Phạm Thị Thu Hà	22/08/1994			
2	0081	Tạ Thúy Hà	23/10/1985			
3	0082	Đàm Ngọc Hải	11/02/1998			
4	0083	Nguyễn Tài Hải	27/11/1991			
5	0084	Phạm Bá Hải	15/01/1995			
6	0085	Phạm Thanh Hải	28/06/1970			
7	0086	Hồ Thị Hạnh	13/04/1996			
8	0087	Lê Thị Hạnh	15/01/1986			
9	0088	Lê Thị Hạnh	11/08/1990			
10	0089	Lưu Thị Thu Hảo	08/09/1980			
11	0090	Dương Thị Hằng	27/09/1993			
12	0091	Hoàng Thị Hằng	02/04/1981			
13	0092	Hoàng Thu Hằng	12/04/1984			
14	0093	Lê Thị Thu Hằng	07/07/1979			
15	0094	Nguyễn Thị Hằng	20/08/1983			
16	0095	Nguyễn Thị Thu Hằng	10/08/1987			
17	0096	Trịnh Thị Hằng	17/11/1973			
18	0097	Ngô Thị Hân	07/09/1984			
19	0098	Đặng Xuân Hậu	03/02/1979			
20	0099	Hoàng Thị Hiền	30/05/1989			
21	0100	Nguyễn Thị Hiền	15/07/1983			

22	**0101**	Nguyễn Thu Hiền	18/11/1983			
23	**0102**	Trần Thị Thu Hiền	01/06/1987			
24	**0103**	Đỗ Hoàng Hiệp	21/12/1984			
25	**0104**	Nguyễn Công Hiếu	29/12/1982			
26	**0105**	Nguyễn Xuân Hiệu	12/11/1986			
27	**0106**	Phạm Văn Hiệu	15/12/1985			
28	**0107**	Hoàng Anh Hoa	23/04/1982			
29	**0108**	Nguyễn Quỳnh Hoa	28/10/2000			
30	**0109**	Vũ Thị Hoa	04/02/1988			
31	**0110**	Hoàng Thị Hòa	26/03/1974			
32	**0111**	Vũ Trọng Hoài	15/09/1983			
33	**0112**	Bùi Thế Hoan	27/03/1982			
34	**0113**	Nguyễn Văn Hoan	21/12/1988			
35	**0114**	Nguyễn Viết Hoan	21/11/1988			
36	**0115**	Trần Thị Hoan	20/11/1995			
37	**0116**	Phùng Văn Hoàn	21/06/1994			
38	**0117**	Bùi Thị Hoàng	15/05/1990			
39	**0118**	Nguyễn Huy Hoàng	20/02/1978			
40	**0119**	Phan Đức Hoàng	01/10/1992			
41	**0120**	Nguyễn Thị Hồng	05/11/1995			
42	**0121**	Nguyễn Thị Hồng	05/09/1990			
43	**0122**	Ngô Văn Huấn	15/04/1984			
		Tổng: 43 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.302**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0123	Nguyễn Thị Huệ	02/02/1984			
2	0124	Ninh Viết Hùng	10/10/1987			
3	0125	Nguyễn Tiến Hùng	25/01/1967			
4	0126	Nguyễn Thanh Hùng	21/07/1985			
5	0127	Nguyễn Xuân Hùng	20/10/1993			
6	0128	Lê Quang Huy	25/04/1995			
7	0129	Đinh Thị Thanh Huyền	02/06/1987			
8	0130	Nguyễn Thị Huyền	28/09/1989			
9	0131	Nguyễn Thị Huyền	07/10/1991			
10	0132	Phạm Thị Huyền	05/10/1992			
11	0133	Trần Phương Huyền	19/10/1981			
12	0134	Hồ Viết Hưng	26/10/1977			
13	0135	Phan Văn Hưng	24/07/1991			
14	0136	Hồ Thị Hương	02/11/1992			
15	0137	Lã Mai Hương	05/11/1995			
16	0138	Lê Thị Hương	05/01/1989			
17	0139	Nguyễn Thị Hương	11/07/1987			
18	0140	Vũ Thị Thu Hương	11/01/1988			
19	0141	Vũ Văn Hướng	25/07/1991			
20	0142	Nguyễn Đình Kiên	14/02/1993			
21	0143	Nguyễn Ngọc Khánh	19/05/1981			

22	**0144**	Trần Đăng Khoa	25/12/1990			
23	**0145**	Phạm Huy Khoá	19/10/1994			
24	**0146**	Nguyễn Thị Lan	15/09/1986			
25	**0147**	Phan Thị Hương Lan	06/03/1984			
26	**0148**	Nguyễn Bình Lâm	07/11/1994			
27	**0149**	Phạm Viết Lâm	02/09/1981			
28	**0150**	Hoàng Văn Lập	21/09/1984			
29	**0151**	Trịnh Thị Liên	25/02/1995			
30	**0152**	Hoàng Mạnh Linh	07/11/1999			
31	**0153**	Trần Hoàng Linh	24/09/1990			
32	**0154**	Trần Quang Linh	20/04/1999			
33	**0155**	Trương Văn Linh	15/08/1989			
34	**0156**	Vũ Hữu Linh	16/07/1998			
35	**0157**	Nguyễn Thị Loan	09/01/1985			
36	**0158**	Nguyễn Thị Loan	27/05/1986			
37	**0159**	Phương Văn Long	24/11/1997			
38	**0160**	Vũ Xuân Lộc	25/10/1993			
39	**0161**	Đặng Thị Lợi	30/11/1980			
40	**0162**	Lê Đức Lợi	13/04/2005			
41	**0163**	Nguyễn Khắc Lợi	05/01/1991			
42	**0164**	Từ Mạnh Lợi	24/08/1988			
		Tổng: 42 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.303**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0165	Đặng Thị Lụa	08/02/1988			
2	0166	Phạm Kinh Luân	12/03/1978			
3	0167	Nguyễn Thị Luyên	11/09/1992			
4	0168	Dư Minh Lương	15/02/2004			
5	0169	Lê Thị Lương	15/11/1990			
6	0170	Nguyễn Phương Khánh Ly	29/10/2007			
7	0171	Nguyễn Thúy Ly	04/05/1974			
8	0172	Phạm Thị Lý	07/11/1993			
9	0173	Lưu Thị Thanh Mai	23/08/1982			
10	0174	Lê Đức Mạnh	15/02/1988			
11	0175	Đinh Thị Niệm	26/02/1979			
12	0176	Phạm Thị Ngân	11/7/2002			
13	0177	Đào Thị Ngoan	14/11/1992			
14	0178	Lê Thị Ngoan	15/08/1993			
15	0179	Trần Thị Thảo Nguyên	31/08/2000			
16	0180	Nguyễn Thị Nguyệt	02/09/1983			
17	0181	Phạm Thị Nguyệt	03/08/1997			
18	0182	Trần Thị Minh Nguyệt	17/09/1990			
19	0183	Nguyễn Thị Nhàn	27/01/1991			
20	0184	Nguyễn Thị Nhung	15/08/1984			
21	0185	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	16/02/2005			

22	**0186**	Phạm Thị Hồng Nhung	05/11/1993			
23	**0187**	Trương Thị Nhung	26/08/1982			
24	**0188**	Vũ Thi Nhung	16/11/1995			
25	**0189**	Trần Thị Nhường	15/11/2001			
26	**0190**	Dương Thị Oanh	18/05/1995			
27	**0191**	Lê Thị Tú Oanh	01/03/1983			
28	**0192**	Nguyễn Thị Oanh	16/09/1980			
29	**0193**	Phạm Thị Oanh	03/7/1993			
30	**0194**	Nguyễn Văn Pháp	30/10/1991			
31	**0195**	Phạm Ngọc Phi	25/07/1990			
32	**0196**	Vũ Đình Phi	13/04/1994			
33	**0197**	Đinh Thị Phong	14/09/1985			
34	**0198**	Trần Thành Phong	22/12/1995			
35	**0199**	Đặng Đức Phòng	13/03/1980			
36	**0200**	Vũ Phú Phố	10/09/1990			
		Tổng: 36 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.401**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0201	Ngô Thị Phúc	05/09/1982			
2	0202	Nguyễn Công Phúc	27/04/2003			
3	0203	Trần Văn Phúc	03/10/1999			
4	0204	Bùi Thị Phương	21/07/1989			
5	0205	Đặng Thị Phương	05/11/1988			
6	0206	Ngô Thị Phương	20/06/2003			
7	0207	Nguyễn Mạnh Quang	09/07/1983			
8	0208	Đào Hải Quân	13/10/1991			
9	0209	Lương Hồng Quân	15/07/1985			
10	0210	Lê Thị Quyên	20/06/1984			
11	0211	Nguyễn Lệ Quyên	06/04/1985			
12	0212	Nguyễn Văn Quyền	02/01/2000			
13	0213	Lê Thị Quỳnh	07/08/1993			
14	0214	Nguyễn Thị Quỳnh	22/12/1983			
15	0215	Nguyễn Văn Soái	02/07/1988			
16	0216	Ngô Văn Sớm	13/11/1991			
17	0217	Đào Trường Sơn	05/02/1992			
18	0218	Ngô Văn Sơn	12/12/1991			
19	0219	Nguyễn Chung Sơn	17/12/1993			
20	0220	Nguyễn Hồng Sơn	19/05/1997			
21	0221	Nguyễn Văn Sơn	14/06/1998			

22	**0222**	Trần Văn Sơn	08/10/1977			
23	**0223**	Vũ Công Sơn	10/08/1989			
24	**0224**	Vũ Ngọc Sơn	16/09/1966			
25	**0225**	Trần Văn Sự	03/11/1983			
26	**0226**	Cồ Huy Sỹ	15/05/1986			
27	**0227**	Trần Tiến Tài	10/08/2000			
28	**0228**	Nguyễn Thị Tâm	26/08/1993			
29	**0229**	Nguyễn Xuân Tâm	15/07/1990			
30	**0230**	Trần Ngọc Tình	20/07/1991			
31	**0231**	Lê Đức Toàn	11/01/1994			
32	**0232**	Nguyễn Văn Toàn	16/02/1986			
33	**0233**	Đào Cẩm Tú	02/12/1996			
34	**0234**	Phan Thị Cẩm Tú	10/7/2003			
35	**0235**	Trần Ngọc Tú	22/02/1988			
36	**0236**	Lưu Vĩnh Tuấn	16/11/1982			
37	**0237**	Nguyễn Khắc Tuấn	14/12/1986			
38	**0238**	Nguyễn Tiến Tuấn	08/06/1993			
39	**0239**	Nguyễn Văn Tuấn	22/06/1989			
40	**0240**	Trần Đình Tuấn	03/01/1992			
41	**0241**	Trần Quốc Tuấn	15/02/1980			
42	**0242**	Võ Minh Tuấn	12/01/1986			
		Tổng: 42 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi: Kiến thức cơ sở

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số: B3.402**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0243	Vương Như Tuấn	22/12/1982			
2	0244	Bùi Quang Tuệ	08/04/1971			
3	0245	Hoàng Văn Tùng	22/06/1987			
4	0246	Nguyễn Hoàng Tùng	06/05/1982			
5	0247	Phan Thị Ánh Tuyết	07/08/1977			
6	0248	Bùi Văn Thà	01/03/1987			
7	0249	Đặng Thị Hồng Thái	20/12/1973			
8	0250	Hoàng Thị Thanh	09/03/1988			
9	0251	Lê Quốc Thành	04/12/1986			
10	0252	Vũ Tất Thành	15/03/2002			
11	0253	Nguyễn Thị Thảo	13/10/1990			
12	0254	Nguyễn Xuân Thảo	15/03/1972			
13	0255	Trần Thị Phương Thảo	29/10/2003			
14	0256	Lê Văn Thăng	11/01/1977			
15	0257	Lê Nam Thắng	28/07/1968			
16	0258	Nguyễn Đức Thắng	01/10/1991			
17	0259	Nguyễn Ngọc Thắng	27/03/1985			
18	0260	Lê Văn Thị	02/12/1984			
19	0261	Nguyễn Thọ Thiên	17/05/1989			
20	0262	Nguyễn Thị Thuỷ	06/11/1978			
21	0263	Lưu Thị Thuý	03/06/1988			

22	**0264**	Nguyễn Thị Thùy	02/10/1990			
23	**0265**	Đào Thị Thương	16/08/1992			
24	**0266**	Bùi Thị Trang	28/09/2001			
25	**0267**	Lã Thị Huyền Trang	11/09/1990			
26	**0268**	Lê Thị Trang	05/08/1989			
27	**0269**	Mai Thị Thùy Trang	20/07/1993			
28	**0270**	Nguyễn Thị Như Trang	29/09/1984			
29	**0271**	Trần Thị Thu Trang	20/11/1988			
30	**0272**	Phùng Văn Trượng	23/09/1984			
31	**0273**	Trần Thị Viên	14/07/1984			
32	**0274**	Trần Thị Viễn	21/10/1983			
33	**0275**	Nguyễn Đức Việt	20/11/1992			
34	**0276**	Lưu Thế Vũ	28/07/1989			
35	**0277**	Bùi Đại Vương	12/08/1979			
36	**0278**	Hoàng Liên Ta Xa	06/05/1988			
37	**0279**	Hà Thị Xoan	23/08/1988			
38	**0280**	Trần Việt Xô	31/07/1989			
39	**0281**	Nguyễn Thanh Xuân	22/02/1985			
40	**0282**	Nguyễn Thị Yên	01/01/1990			
41	**0283**	Lê Mai Hảo Yến	23/08/1978			
42	**0284**	Nguyễn Hải Yến	22/07/1981			
		Tổng: 42 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi:

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.202**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0285	Lê Thanh Bình	16/03/1974			KTCM
2	0286	Trần Văn Chung	01/06/1990			KTCM
3	0287	Nguyễn Đình Đãng	18/10/1989			KTCM
4	0288	Đào Văn Đạt	10/10/1993			KTCM
5	0289	Nguyễn Văn Giang	27/07/1977			KTCM
6	0290	Nguyễn Hữu Hải	31/10/1969			KTCM
7	0291	Nguyễn Thanh Hải	20/10/2002			KTCM
8	0292	Trương Thị Hạnh	08/09/1987			KTCM
9	0293	Hồ Thị Thuý Hằng	23/06/1978			KTCM
10	0294	Kiều Thị Thu Hằng	28/09/1982			KTCM
11	0295	Nguyễn Hoàng Hiểu	16/01/1984			KTCM
12	0296	Phan Thị Hòa	03/04/1996			KTCM
13	0297	Hoàng Thị Hương	16/05/1990			KTCM
14	0298	Trương Thị Hường	17/07/1991			KTCM
15	0299	Ngô Doãn Long	28/07/2981			KTCM
16	0300	Nguyễn Tiến Lực	02/10/1994			KTCM
17	0301	Lê Hoàng Nam	03/01/1984			KTCM
18	0302	Lê Thu Nga	30/11/1990			KTCM
19	0303	Trịnh Huy Ngọc	27/07/1990			KTCM
20	0304	Cao Thị Nhung	16/08/1988			KTCM
21	0305	Ngô Thị Nhung	07/06/1985			KTCM

22	**0306**	Nguyễn Thị Nhung	26/03/1986			KTCM
23	**0307**	Giang Minh Quân	01/03/1994			KTCM
24	**0308**	Hoàng Viết Quyền	15/03/1993			KTCM
25	**0309**	Nguyễn Hoàng Mạnh Tùng	09/11/1984			KTCM
26	**0310**	Lê Văn Thái	06/10/1990			KTCM
27	**0311**	Bùi Văn Thanh	18/02/1986			KTCM
28	**0312**	Nguyễn Thị Hà Trang	15/06/2001			KTCM
29	**0313**	Đỗ Thuỳ An	02/11/2007			
30	**0314**	Nguyễn Thị Thục Anh	10/04/2026			
31	**0315**	Bùi Thanh Bình	25/12/1978			
32	**0316**	Đàm Văn Cảnh	23/01/1982			
33	**0317**	Nguyễn Quang Cường	26/09/1992			
34	**0318**	Nguyễn Xuân Cường	20/12/1984			
35	**0319**	Phan Đình Chúng	08/09/1992			
36	**0320**	Thào A Dê	21/11/2005			
37	**0321**	Trương Nhật Dung	16/02/2003			
38	**0322**	Ngô Trí Dũng	21/03/1983			
39	**0323**	Vũ Tiến Dũng	15/02/1982			
40	**0324**	Lê Thị Duyến	15/09/1987			
41	**0325**	Lê Xuân Dưỡng	12/09/1969			
42	**0326**	Nguyễn Văn Hà	18/06/1984			
43	**0327**	Trần Thị Thu Hà	26/10/1989			
44	**0328**	Lương Thị Hằng	22/07/1990			
45	**0329**	Nguyễn Thị Hằng	21/11/1969			
		Tổng: 45 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi:

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.201**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0330	Đậu Thị Hòa	18/12/1978			
2	0331	Lê Thu Hoàn	27/11/1975			
3	0332	Nguyễn Văn Hùng	07/03/1982			
4	0333	Nguyễn Thị Bích Huyền	10/10/1983			
5	0334	Nguyễn Văn Huỳnh	09/06/2000			
6	0335	Ngô Sỹ Hưng	02/10/1986			
7	0336	Nguyễn Ngọc Hưng	17/01/1987			
8	0337	Trần Văn Kha	20/11/1983			
9	0338	Nguyễn Đăng Khuyến	28/5/1990			
10	0339	Trần Văn Linh	10/11/1995			
11	0340	Nguyễn Tuấn Long	14/12/2006			
12	0341	Trương Khánh Ngọc	02/10/1987			
13	0342	Lò Thị Nguyệt	01/09/1993			
14	0343	Phạm Thị Oanh	23/10/1976			
15	0344	Vũ Văn Phúc	26/7/1975			
16	0345	Nguyễn Thị Sâm	06/05/1973			
17	0346	Lê Thị Thúy Sen	10/10/1982			
18	0347	Trần Bá Tâm	05/05/1978			
19	0348	Nguyễn Văn Tuấn	27/03/1984			
20	0349	Nguyễn Thị Thanh	08/09/1984			
21	0350	Trần Thị Thương	03/10/1986			
22	0351	Hồ Mạnh Trung	26/10/1985			

23	**0352**	Hoàng Nghĩa Trung	03/01/1988			
24	**0353**	Nguyễn Thị Hải Yến	19/09/1978			
25	**0354**	Cao Tuấn Anh	16/06/1993			
26	**0355**	Lê Tất Đức Anh	06/06/2003			
27	**0356**	Lê Thị Phương Anh	13/11/1990			
28	**0357**	Nguyễn Thị Ngọc Anh	30/11/1991			
29	**0358**	Nguyễn Thị Phương Anh	10/12/2006			
30	**0359**	Nguyễn Thị Vân Anh	07/05/1984			
31	**0360**	Nguyễn Tiến Ân	14/08/1999			
32	**0361**	Nguyễn Huy Bé	19/02/1994			
33	**0362**	Lê Văn Bốn	04/03/1986			
34	**0363**	Vũ Đình Côn	30/06/1999			
35	**0364**	Nguyễn Đình Cương	13/04/2005			
36	**0365**	Hoàng Minh Chung	12/06/1999			
37	**0366**	Nghiêm Xuân Dũng	12/12/1980			
38	**0367**	Đỗ Thị Thùy Dương	24/11/1992			
39	**0368**	Nguyễn Đình Dương	25/06/1991			
40	**0369**	Nguyễn Thế Dương	17/01/1992			
41	**0370**	Đoàn Tuấn Đại	17/10/1976			
42	**0371**	Đỗ Đình Đại	03/03/1990			
43	**0372**	Nguyễn Văn Đô	06/10/1976			
44	**0373**	Đoàn Hoàng Đông	05/07/1994			
45	**0374**	Hồ Anh Giáp	26/12/1984			
46	**0375**	Nguyễn Thị Hà	09/10/1973			
47	**0376**	Tạ Thị Thu Hà	08/11/1979			
48	**0377**	Nguyễn Thị Hải	15/12/1990			
		Tổng: 48 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi:

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.103**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0378	Tống Thị Hằng	20/11/1995			
2	0379	Trần Thu Hiền	13/05/1988			
3	0380	Đoàn Khắc Hiếu	16/07/1988			
4	0381	Đào Huy Hiệu	05/11/1985			
5	0382	Thân Văn Hoàng	10/04/1994			
6	0383	Phạm Thị Hồng	04/02/1987			
7	0384	Nguyễn Thị Kim Huệ	27/01/1983			
8	0385	Nguyễn Mạnh Hùng	31/10/1997			
9	0386	Nguyễn Xuân Hùng	16/02/1992			
10	0387	Hoàng Trọng Huy	27/10/1987			
11	0388	Nguyễn Tiến Thành Huy	07/01/1996			
12	0389	Nguyễn Quỳnh Hương	26/11/2000			
13	0390	Lê Thị Lan	17/08/1989			
14	0391	Nguyễn Thành Lâm	16/12/1989			
15	0392	Trịnh Đông Lân	04/05/1977			
16	0393	Nguyễn Quỳnh Lê	12/03/1988			
17	0394	Phạm Ngọc Lê	18/09/1991			
18	0395	Đặng Thị Liễu	01/03/1989			
19	0396	Nguyễn Khánh Linh	12/01/2000			
20	0397	Lê Văn Luân	11/02/1988			
21	0398	Nguyễn Xuân Mạnh	09/04/1982			

22	**0399**	Lê Thị Nương	14/12/1993			
23	**0400**	Trần Thị Ngát	27/08/1970			
24	**0401**	Trương Thị Ngân	15/07/1987			
25	**0402**	Nguyễn Duy Ngọc	28/09/1996			
26	**0403**	Trần Văn Nhã	21/04/1977			
27	**0404**	Phạm Thị Nhàn	06/06/1988			
28	**0405**	Đặng Thị Vy Nhi	10/09/1982			
29	**0406**	Lê Thị Phi Nhiếp	18/04/1978			
30	**0407**	Nguyễn Văn Phi	10/09/1992			
31	**0408**	Hoàng Quang Phú	14/04/1993			
32	**0409**	Lê Việt Phương	18/08/1990			
33	**0410**	Vũ Mai Phương	28/03/1977			
34	**0411**	Bùi Viết Quảng	01/11/1989			
35	**0412**	Nguyễn Minh Quân	10/10/2003			
36	**0413**	Hoàng Thị Sáu	06/04/1988			
		Tổng: 36 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**

UBND TỈNH NGHỆ AN
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH XÁC NHẬN DỰ THI LẠI
Kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An đợt 2 năm 2026

Môn thi:

Ngày thi: Chiều ngày 07/08/2026

Địa điểm: Trường Đại học Vinh, tỉnh Nghệ An **Phòng thi số:** **B3.102**

STT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Mã đề thi	Ký tên	Ghi chú
1	0414	Mai Việt Sơn	04/03/1992			
2	0415	Bùi Huy Tài	25/04/1991			
3	0416	Nguyễn Chí Tài	28/11/1993			
4	0417	Bùi Thị Tâm	19/12/1996			
5	0418	Dương Đình Tiến	30/05/1990			
6	0419	Phan Anh Tiến	17/11/2001			
7	0420	Đào Thị Tình	19/09/1997			
8	0421	Nguyễn Thị Toan	25/01/1991			
9	0422	Trần Anh Tú	15/05/1988			
10	0423	Lê Anh Tuấn	19/08/1976			
11	0424	Lê Thanh Tuấn	26/12/2003			
12	0425	Nguyễn Anh Tuấn	31/07/1980			
13	0426	Nguyễn Anh Tuấn	13/05/1972			
14	0427	Lê Văn Tuyên	14/04/1988			
15	0428	Trần Thị Tuyết	06/06/1992			
16	0429	Ngô Thị Tươi	09/02/1978			
17	0430	Trần Văn Tưởng	16/02/1986			
18	0431	Trịnh Thị Thảo	26/05/1996			
19	0432	Mai Huy Thiều	23/10/1978			
20	0433	Trần Đức Thiệu	20/02/1981			
21	0434	Đoàn Thị Thu Thúy	11/05/1994			

22	**0435**	Lê Anh Thư	06/01/2004			
23	**0436**	Nguyễn Thị Anh Thư	20/11/2004			
24	**0437**	Đỗ Hà Trang	13/07/1997			
25	**0438**	Nguyễn Thu Trang	05/08/1993			
26	**0439**	Phạm Thị Trang	28/04/1992			
27	**0440**	Vũ Quỳnh Trang	03/01/1997			
28	**0441**	Nguyễn Đức Trung	22/12/1990			
29	**0442**	Nguyễn Khắc Bảo Trung	02/04/1990			
30	**0443**	Đặng Khắc Trường	19/02/1998			
31	**0444**	Nguyễn Thị Trường	07/06/1989			
32	**0445**	Phạm Thị Dịu Uyên	06/01/1995			
33	**0446**	Trần Đức Việt	12/02/1995			
34	**0447**	Nguyễn Sỹ Vĩnh	03/05/1976			
35	**0448**	Hoàng Thị Xuân	05/03/1991			
36	**0449**	Phạm Thị Xuyên	11/03/1980			
		Tổng: 36 thí sinh				

Cán bộ coi thi thứ nhất **Cán bộ coi thi thứ hai**